

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 1997-2024 VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH TRONG BỐI CẢNH MỚI^(*)

Nguyễn Phương Thảo

Trần Thị Mỹ Anh

Tóm tắt: Giai đoạn 1997-2024, từ một tỉnh thuần nông, Bắc Ninh đã có sự chuyển biến tích cực, trở thành một trong những thủ phủ công nghiệp của cả nước. Tuy nhiên, quá trình tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cùng với mật độ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề dày đặc đã gây ra nhiều vấn đề đối với xã hội và môi trường của tỉnh. Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế bền vững của tỉnh trong thời gian qua, nêu ra những thành tựu, hạn chế và một số khuyến nghị chính sách trong bối cảnh mới, đặc biệt là sau khi tỉnh thực hiện công cuộc sáp nhập và cải cách hành chính.

Từ khóa: Bắc Ninh; Phát triển kinh tế bền vững.

Đặt vấn đề

Trong nhiều thập kỷ qua, phát triển bền vững (PTBV) là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định tương lai của các quốc gia. Trong đó, khía cạnh phát triển kinh tế bền vững (PTKTBV) là nhân tố có ảnh hưởng lớn tới việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu gắn với năng suất lao động (NSLĐ), khoa học công nghệ (KH-CN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST). Xu thế phát triển kinh tế hiện nay có sự kết hợp hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế phải song hành với nâng cao đời sống an sinh xã hội, tạo ra sự công bằng trong hưởng thụ thành quả của nền kinh tế cho tất cả mọi người, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tuân thủ theo các quy định pháp luật.

Năm 1997, tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang được chính thức phân tách từ tỉnh Hà Bắc. Trong quá trình phát triển kinh tế, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động nắm bắt thời cơ, khai thác tiềm năng về vị trí địa lý, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực. Mặc dù có diện tích nhỏ nhất so với các tỉnh thành nhưng tỉnh Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, tỷ lệ đô thị hóa cao, trở thành trung tâm công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao của cả nước. Tuy nhiên, vấn đề PTKTBV tại tỉnh đang gặp phải một số rào cản như: tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, phụ thuộc lớn vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); tồn tại sự mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế nhanh với bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường,... Vấn đề PTKTBV trong bối cảnh thế giới và quốc gia đang thay đổi với nhiều diễn biến phức tạp và

(*) Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp cơ sở: “Phát triển kinh tế bền vững tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới” do Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới chủ trì.

khó đoán định cũng đặt ra nhiều cơ hội và thách thức mới cho tỉnh Bắc Ninh. Do đó, bài viết phân tích những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, từ đó đề xuất một số kiến nghị chính sách nhằm PTKTBV tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới.

1. Cơ sở lý thuyết về phát triển kinh tế bền vững cấp tỉnh

1.1. Một số khái niệm

Kể từ năm 1980 đến nay, khái niệm “phát triển bền vững” được đưa ra bởi rất nhiều tổ chức, nghiên cứu trên thế giới. Nhìn chung, PTBV là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (IUCN, 1980; WCED, 1987). Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 đã khẳng định, phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường (United Nations, 1992).

Phát triển kinh tế bền vững là quá trình phát triển kinh tế nhanh, an toàn và chất lượng trong một thời gian dài, đảm bảo sự cân bằng hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. PTKTBV đề cập tới hai mặt: tính bền vững bên trong nền kinh tế và tính bền vững của các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng tới quá trình phát triển kinh tế. Trước hết, tính bền vững bên trong của nền kinh tế là đảm bảo duy trì trạng thái phát triển liên tục trong một thời gian dài, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, phù hợp với xu hướng vận động chung của kinh tế thế giới, gia tăng năng suất, hiệu quả sản phẩm,... Thứ hai, PTKTBV là sự cân bằng hài hòa giữa kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế, tạo ra sự thịnh vượng chung và bình đẳng trong quá trình

hưởng thụ thành quả của phát triển cho tất cả mọi người.

Phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn tỉnh vừa tuân theo những quy tắc chung của quá trình PTKTBV cấp quốc gia/quốc tế; vừa có những đặc trưng riêng ở một vùng địa lý nhỏ, với các điều kiện tự nhiên, dân cư, môi trường đặc trưng. Bên cạnh tận dụng thế mạnh riêng của tỉnh, PTKTBV trên địa bàn tỉnh còn có sự liên kết với các tỉnh khác trong quá trình khai thác và sử dụng các nguồn lực chung.

1.2. Các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn tỉnh

Trên thế giới, các tiêu chí đánh giá PTBV nói chung và khía cạnh PTKTBV nói riêng đã được đưa ra bởi Liên Hợp Quốc (UN, 2007), Hội đồng Phát triển Kinh tế Quốc tế (IEDC, 2017), OCED (2017) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF, 2020),... Tại Việt Nam, bên cạnh Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững cấp quốc gia, năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013- 2020. Một số bộ chỉ số do các nhà nghiên cứu xây dựng như: Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững ở Việt Nam của Lê Trình và cộng sự (2002), Bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững các tỉnh Tây Nguyên (Trần Văn Ý và cộng sự, 2014), Bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững cấp tỉnh/thành phố của Lê Văn Hùng và cộng sự (2023).

Trong phạm vi nghiên cứu có hạn, bài viết lựa chọn phân tích một số chỉ tiêu đáp ứng các yêu cầu: (1) Có khả năng thu thập số liệu thứ cấp, có khái niệm và phương pháp tính rõ ràng; (2) Có khả năng so sánh giữa các địa phương và địa phương với cả nước; (3) Phù hợp với các định hướng, chiến lược về phát triển bền vững của quốc gia. Các tiêu chí được phân theo 4 nhóm chính:

(i) Các tiêu chí đánh giá năng lực các yếu tố đầu vào. Các yếu tố đầu vào được xác định

gồm: lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên và KHCN. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh cũng là yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp xây dựng chiến lược, thích ứng và phát triển. Trong bối cảnh các nguồn lực tự nhiên đang ngày càng cạn kiệt, khan hiếm; nguồn lực về vốn và con người gắn với KHCN, ĐMST, đóng vai trò to lớn đối với quá trình PTKTBV.

(ii) Các tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra về phát triển kinh tế. Kết quả đầu ra về phát triển kinh tế cho thấy một nền kinh tế được vận hành thành công hay thất bại, phát triển bền vững hay thiếu ổn định. Các chỉ số như: cán cân ngân sách, chỉ tiêu lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng,... nằm ở ngưỡng an toàn cho phép là điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển.

(iii) Các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội. Quá trình phát triển

kinh tế bền vững đòi hỏi các chủ thể có cơ hội bình đẳng khi tham gia và hưởng thụ các thành quả của nền kinh tế, thể hiện ở các khía cạnh: có cơ hội như nhau khi tiếp cận các nguồn lực của nền kinh tế, lựa chọn và tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế và công bằng trong việc hưởng thụ các thành quả của quá trình phát triển kinh tế.

(iv) Các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. PTKTBV hướng tới mục tiêu vừa tăng trưởng kinh tế bền vững, vừa bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái, làm giảm hậu quả nghiêm trọng do biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường gây ra. Hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, tiết kiệm, tăng cường đầu tư cho năng lượng tái tạo làm cho tăng trưởng kinh tế giảm dần sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên.

BẢNG 1. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PTKTBV CẤP TỈNH

Nhóm	Các tiêu chí đánh giá
(i) Các tiêu chí đánh giá năng lực các yếu tố đầu vào	Năng suất lao động
	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)
	Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp: Giá trị sản phẩm nông nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp/đất nuôi trồng thủy sản
	Hiệu quả sử dụng đất các khu công nghiệp/cụm công nghiệp: Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh
	Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (Chỉ số ICT)
	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI)
(ii) Các tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra về phát triển kinh tế	Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh (GRDP)
	Cán cân ngân sách
	Thu nhập bình quân đầu người
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
(iii) Các tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ thất nghiệp
	Tỷ lệ hộ nghèo

phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội	Bất bình đẳng về thu nhập: Khoảng cách về thu nhập giữa nhóm 20% nhóm thu nhập cao nhất và 20% nhóm thu nhập thấp nhất
(iv) Các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường	Các chỉ tiêu thống kê về môi trường của tỉnh: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI)

Nguồn: Lựa chọn và tổng hợp của tác giả từ các bộ tiêu chí đã có tại Việt Nam và trên thế giới.

2. Thực trạng phát triển kinh tế bền vững tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2024

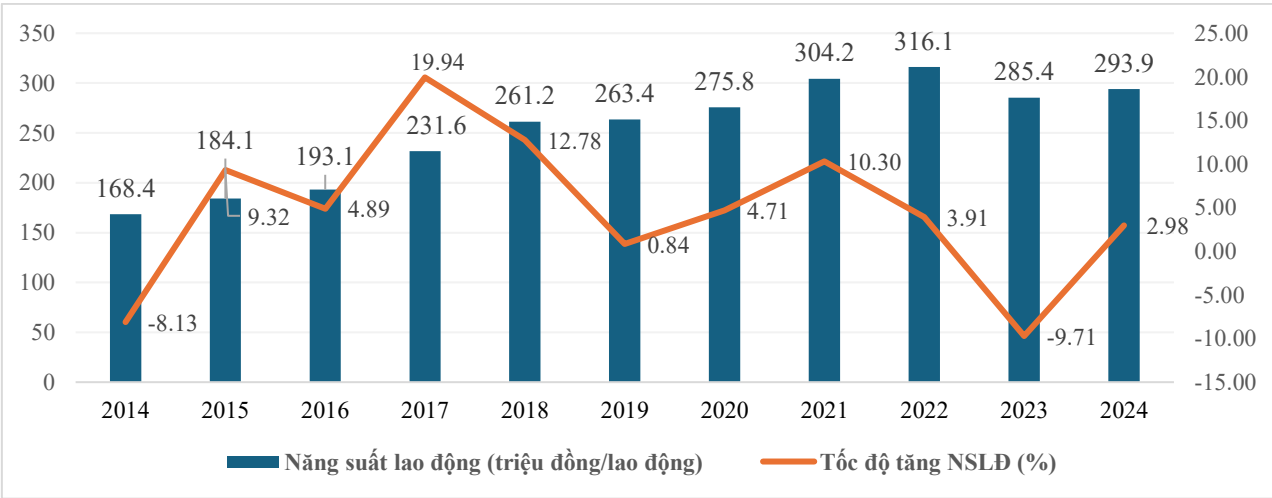
2.1. Về năng lực các yếu tố đầu vào

Năng suất lao động

Sau gần 28 năm tái lập tỉnh, NSLĐ của Bắc Ninh đã có những bước tiến đáng ghi nhận.

Năm 1997, bình quân 1 lao động chỉ tạo ra 3,8 triệu đồng GRDP, đến năm 2024 đã tăng lên 293,9 triệu đồng, gấp hơn 77 lần. Năm 2023, NSLĐ của Bắc Ninh đứng thứ 4/11 trong vùng đồng bằng sông Hồng và đứng thứ 6/63 toàn quốc (Tổng cục thống kê, 2024).

HÌNH 1. NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THEO GIÁ HIỆN HÀNH VÀ TỐC ĐỘ TĂNG NSLĐ CỦA TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2014-2024



Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2024.

Bắc Ninh có số lượng doanh nghiệp FDI lớn, công nghệ hiện đại, sản xuất quy mô lớn nên tạo ra số lượng và giá trị gia tăng sản lượng trên mỗi lao động lớn, tuy nhiên người lao động lại chưa được thụ hưởng tương xứng. Các giá trị gia tăng từ các doanh nghiệp này tạo ra phần lớn không mang lại lợi ích cao cho công nhân

mà được đưa về cho các công ty mẹ ở nước ngoài hoặc sử dụng để tái đầu tư, chi trả khấu hao tài sản,...

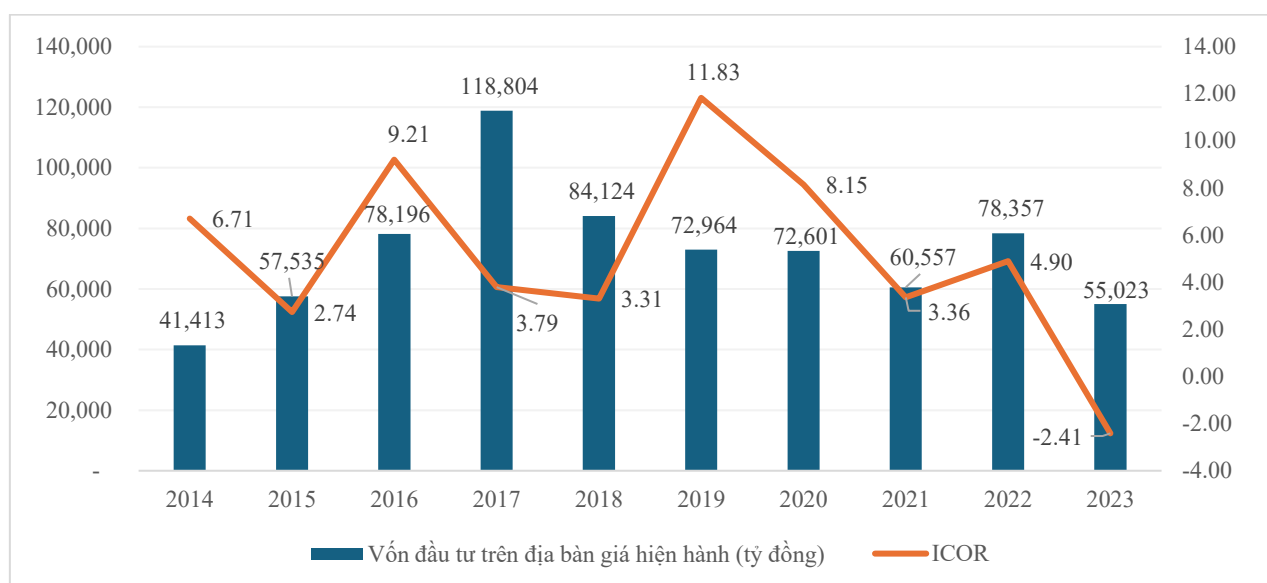
Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)

Trong những năm gần đây, hệ số ICOR có xu hướng giảm nhanh, cho thấy việc sử dụng

vốn đầu tư của tỉnh đạt được hiệu quả cao hơn, nhu cầu vốn đầu tư cho tăng trưởng còn rất lớn. Tỉnh Bắc Ninh đã nỗ lực tích cực trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả vốn FDI. Làn sóng đầu tư từ các nền kinh tế lớn tại khu vực châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm, chất bán dẫn đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh. Hàng loạt các

tập đoàn lớn mạnh như: Samsung, Canon, Nokia-Microsoft, Amkor,... đều lựa chọn Bắc Ninh để xây dựng các nhà máy, triển khai sản xuất kinh doanh. Năm 2024, Bắc Ninh đứng đầu cả nước về thu hút vốn FDI, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 5,12 tỷ USD, chiếm 13,4% tổng vốn đầu tư đăng ký toàn quốc (Tổng cục thống kê, 2025a).

HÌNH 2. VỐN ĐẦU TƯ XÃ HỘI THEO GIÁ HIỆN HÀNH VÀ HỆ SỐ ICOR CỦA TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2014-2023



Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2023.

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Giá trị sản phẩm thu được trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản của tỉnh có xu hướng tăng lên qua các năm, phản ánh một phần hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được cải thiện qua các năm. Tuy giá trị có tăng nhưng tăng chậm, chủ yếu do người dân bỏ ruộng, dịch chuyển sang làm việc tại khu vực công nghiệp, dịch vụ.

Hiệu quả sử dụng đất phi nông nghiệp

Do tỉnh Bắc Ninh phát triển mạnh về công nghiệp nên bài viết lựa chọn tiêu chí Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (KCN, CCN) để phản ánh một phần hiệu quả sử dụng đất phi nông nghiệp của tỉnh. Năm 2024,

tỉnh Bắc Ninh có 12 KCN đã và đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy bình quân trên diện tích đất quy hoạch của các KCN đã được thành lập đạt 61,01%, cao hơn khoảng gần 2% so với năm 2023 (Tổng cục thống kê, 2025a). Các KCN, CCN vẫn chưa tận dụng tối đa hạ tầng và đang bị cạnh tranh mạnh bởi các địa phương khác như Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội,... trong thu hút đầu tư vào các KCN.

Chỉ số ICT

Giai đoạn 2014-2015, chỉ số ICT của tỉnh xếp ở thứ hạng cao (thứ 2 và thứ 4) của cả nước. Năm 2022, tỉnh xếp ở vị trí thứ 10, nhưng năm 2023 đã bứt phá tăng 6 bậc lên vị trí thứ 4 toàn quốc. Việc tích cực ứng dụng công nghệ thông

tin (CNTT) góp phần giúp Bắc Ninh có tỷ trọng kinh tế số/GRDP xếp thứ nhất cả nước năm 2022, đạt 56,83% trên GRDP (Ban Kinh tế Trung ương, 2022).

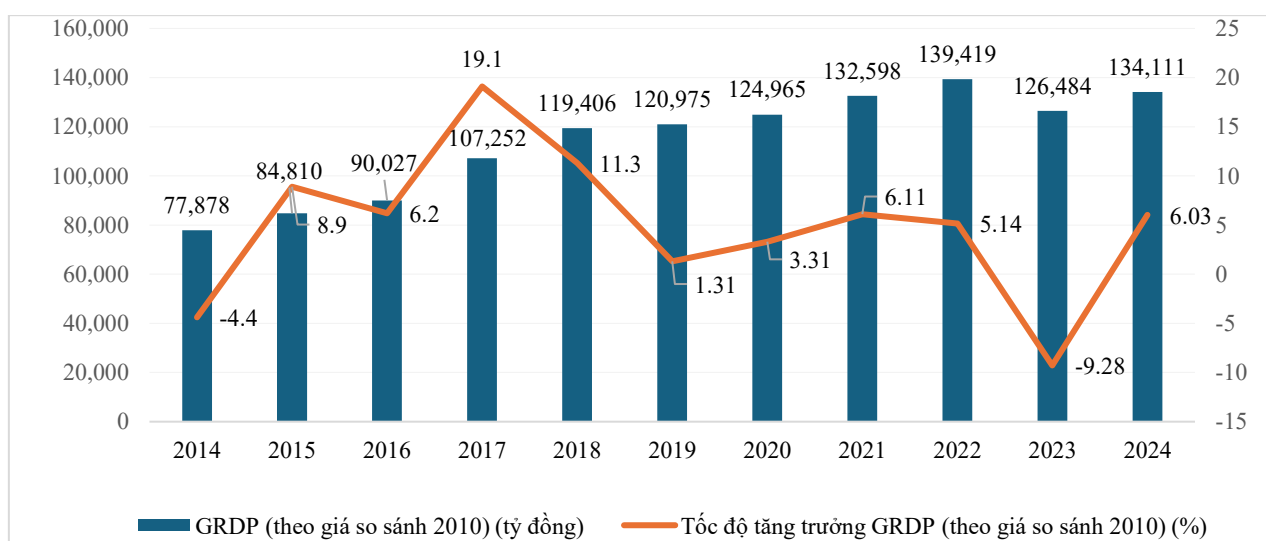
Chỉ số PCI

Năm 2022, chỉ số PCI của Bắc Ninh xếp thứ 7 của cả nước, nhưng năm 2023 đã ra ngoài khỏi top 30 tỉnh và năm 2024 nằm ngoài top 5 tỉnh có chỉ số PCI cao của cả nước. Môi trường kinh doanh của tỉnh vẫn chưa thực sự minh bạch, hiệu quả, chưa tạo ra sự bình đẳng triệth để cho các doanh nghiệp (PCI, 2025).

2.2. Về kết quả đầu ra phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

HÌNH 3. TỔNG SẢN PHẨM VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2014-2024



Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2024.

Tuy nhiên, GRDP của tỉnh có tốc độ tăng trưởng không ổn định. Đặc biệt, năm 2023, GRDP của tỉnh bị sụt giảm mạnh, giảm 9,28% so với năm 2022, là mức giảm sâu nhất trong giai đoạn 1997-2024 và Bắc Ninh cũng là tỉnh có mức giảm sâu nhất trong 63 tỉnh, thành phố. Năm 2023, kết quả kinh doanh của tập đoàn Samsung giảm sâu, là nguyên nhân lớn nhất dẫn tới thủ phủ công nghiệp Bắc Ninh rơi vào tăng

Năm 1997, GDRP theo giá hiện hành của Bắc Ninh mới đạt 2.019 tỷ đồng, xếp thứ 8/11 của các tỉnh/thành phố đồng bằng sông Hồng và chỉ đóng góp rất nhỏ vào nền kinh tế cả nước. Từ năm 2011, khi các dự án quy mô lớn của khu vực FDI đi vào hoạt động ổn định, đạt công suất tối đa đã tạo ra bước ngoặt trong phát triển kinh tế tỉnh Bắc Ninh. Năm 2016, GRDP đã đạt 127.690 tỷ đồng, gấp 63 lần năm 1997 và xếp thứ 3 toàn quốc (sau TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương). Năm 2024, GRDP của tỉnh tăng 6,03% so với năm 2023, xếp ở vị trí thứ 9 cả nước về tốc độ tăng trưởng (Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2025).

trường âm. Nhiều năm qua, hoạt động của Samsung đóng vai trò chủ đạo trong ngành điện tử của Bắc Ninh. Năm 2023, ngành công nghiệp của tỉnh giảm tới 13,08%, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất (13,30%), tập trung chính ở ngành điện (Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2023). Tỉnh Bắc Ninh phụ thuộc quá nhiều vào khu vực FDI và một số ngành trọng điểm, tiềm ẩn rủi ro khi các doanh nghiệp FDI

thay đổi do: chuỗi cung ứng đứt gãy, thay đổi chính sách đầu tư, hoặc dịch chuyển sản xuất sang khu vực khác. Chỉ cần một số doanh nghiệp FDI lớn có sự sụt giảm sản lượng, GRDP của tỉnh sẽ bị chững lại đáng kể.

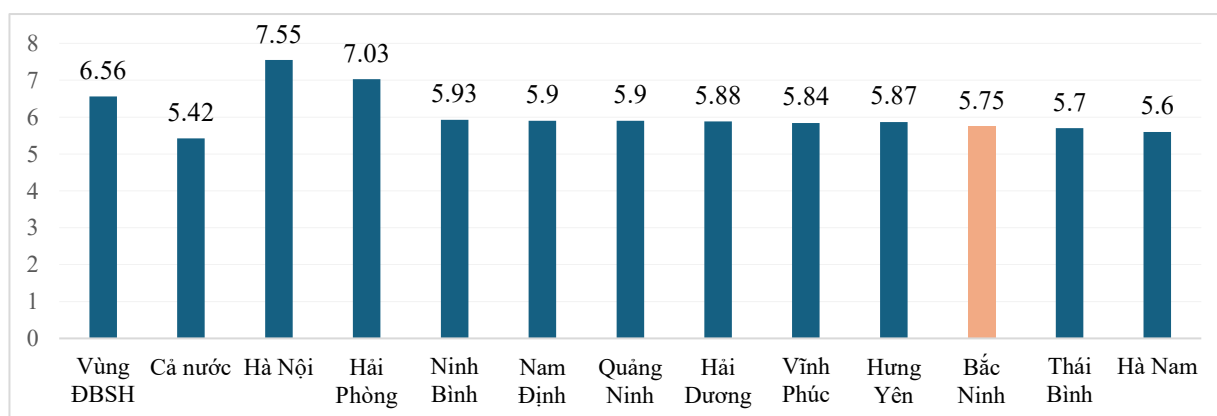
Cán cân ngân sách

Năm 1997, khi mới tái lập tỉnh số thu ngân sách nhà nước (NSNN) chỉ đạt 160 tỷ đồng, không đáp ứng được nhu cầu chi, ngân sách Trung ương phải trợ cấp. Nhờ phát triển kinh tế nhanh chóng nên từ năm 2011 Bắc Ninh đã trở thành tỉnh thứ 13 tự cân đối và có điều tiết ngân sách về Trung ương (7%/năm) (Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2016).

Thu nhập bình quân đầu người

Năm 2024, thu nhập bình quân đầu người theo tháng của tỉnh khoảng 5,75 triệu đồng/người và cao gấp khoảng 1,1 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2025). Tuy nhiên, Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh có sự tăng giảm không ổn định qua các năm. Ngoài ra, mặc dù có GRDP xếp thứ hạng cao nhưng thu nhập bình quân đầu người theo tháng của tỉnh Bắc Ninh chỉ xếp thứ 9/11 so với các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (năm 2024) (Tổng cục thống kê, 2025b).

HÌNH 4. THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI/THÁNG CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 (TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI)



Nguồn: Tổng cục thống kê, 2025b.

Chỉ số CPI

CPI các năm của tỉnh Bắc Ninh tăng khoảng 2-3%/năm, thường nằm trong khoảng mục tiêu Chính phủ đề ra (Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2024). Việc kiểm soát tốt lạm phát (CPI tăng hợp lý) tạo dư địa cho chính quyền tỉnh linh hoạt trong điều hành kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp.

2.3. Về phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội

Tỷ lệ hộ nghèo

Kể từ năm 1997 đến nay, tỷ lệ hộ nghèo tại tỉnh Bắc Ninh đã giảm xuống một cách rõ rệt. Năm 1997, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh ở mức cao là 10,35% nhưng tới năm 2024 đã về mức 0% (Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2016; Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2025). Đến cuối năm 2024, tỉnh Bắc Ninh là một trong 6 tỉnh của cả nước không còn hộ nghèo (gồm: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu). So với tỷ lệ nghèo đa chiều trung bình của cả nước, tỷ lệ tại Bắc Ninh luôn ở mức thấp hơn (Hình 5). Một trong những nguyên nhân giúp tỉnh Bắc Ninh giảm

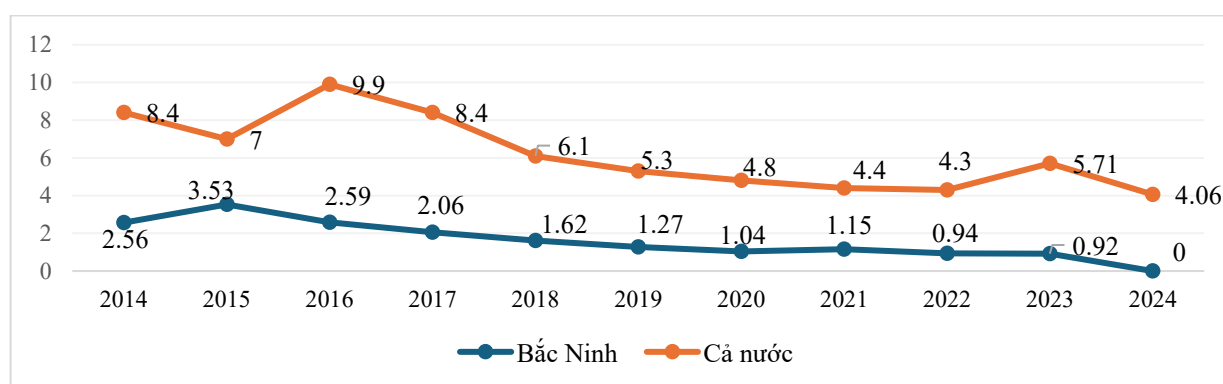
tình trạng hộ nghèo một cách nhanh chóng là do tỉnh đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ. Nhờ đó, người lao động có nhiều cơ hội việc làm với mức thu nhập gia tăng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

Tỷ lệ thất nghiệp

Bắc Ninh đang có xu hướng tăng lên qua các năm. Nếu lao động không đáp ứng được các yêu

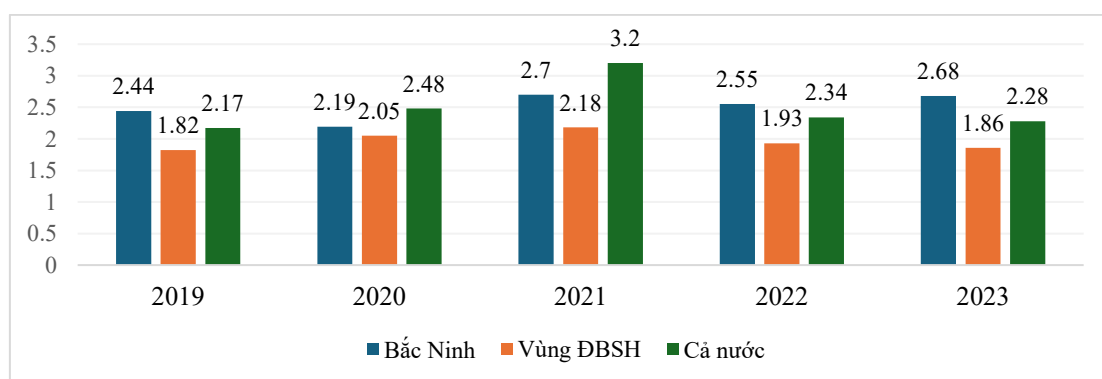
cầu tuyển dụng ngày càng khắt khe về chuyên môn của doanh nghiệp trong thời kì chuyển đổi số sẽ khó có thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Bắc Ninh luôn cao hơn mức trung bình của vùng đồng bằng sông Hồng và cao hơn cả nước, phản ánh hiệu quả chưa thực sự cao trong việc phát triển kinh tế và tạo việc làm, đặc biệt là tại các khu vực công nghiệp và đô thị (Hình 6).

HÌNH 5. TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI BẮC NINH VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2014-2024 (%)



Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh và Niên giám Thống kê quốc gia giai đoạn 2014-2024.

HÌNH 6. TỶ LỆ THẤT NGHIỆP TẠI BẮC NINH, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2019-2023 (%)



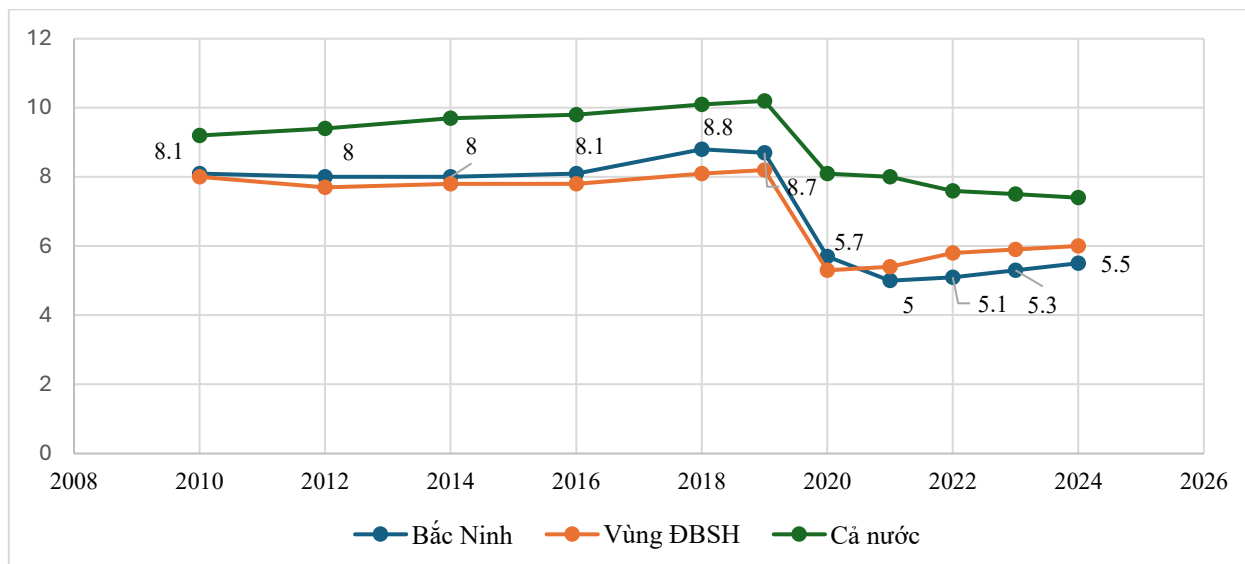
Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh và Niên giám Thống kê quốc gia giai đoạn 2019-2023.

Bất bình đẳng về thu nhập

Chênh lệch thu nhập giữa 20% nhóm thu nhập cao nhất và 20% nhóm thu nhập thấp nhất của tỉnh Bắc Ninh từ 2010-2024 có xu hướng giảm nhanh chóng, từ 8,1 lần (năm 2010) xuống

còn 5,5 lần (năm 2024). Giai đoạn 2020-2024, mức chênh lệch tại Bắc Ninh luôn thấp hơn so với mức chênh lệch thu nhập tại vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước.

HÌNH 7. CHÊNH LỆCH THU NHẬP GIỮA 20% NHÓM THU NHẬP CAO NHẤT VÀ 20% NHÓM THU NHẬP THẤP NHẤT CỦA TỈNH BẮC NINH, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2010-2024 (LẦN)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục thống kê, Kết quả khảo sát mức sống dân cư giai đoạn 2010-2024.

Tuy nhiên, phân hóa giàu nghèo tại Bắc Ninh có xu hướng gia tăng, đặc biệt là giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa nhóm lao động có kỹ năng và lao động phổ thông, và giữa người dân bản địa và lao động nhập cư. Lao động có trình độ chuyên môn cao, trong các ngành nghề mới được thu hút nhiều tới các khu công nghiệp với mức lương hấp dẫn. Trong khi đó, lao động tại khu vực nông thôn chủ yếu dựa vào nông nghiệp và có mức thu nhập thấp hơn. Lao động phổ thông có ít khả năng tham gia chuỗi giá trị công nghiệp cao, dẫn đến thu nhập thấp và công việc bấp bênh hơn.

2.4. Về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường

Nhờ sự quyết liệt của tỉnh trong việc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, một số khu vực trên địa bàn đã có sự thay đổi rõ rệt. Chẳng hạn, tính đến tháng 11/2024, đã có 228/228 tại làng nghề giấy Phong Khê cơ sở sản xuất giấy trong khu dân cư tự dừng sản xuất, chuyển đổi

ngành nghề, hoặc di dời máy móc đến vị trí sản xuất mới. Tại cụm công nghiệp Phú Lâm (huyện Tiên Du), 100% cơ sở cô đúc nhôm trong khu dân cư, cụm công nghiệp Mẫn Xá đã dừng hoạt động. Khoảng 47/94 cơ sở trong cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá, xã Văn Môn (huyện Yên Phong) tự nguyện phá dỡ 152 ống khói và 151 lò đốt, lò tái chế kim loại (Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, 2024).... Năm 2023, Chỉ số xanh cấp tỉnh PGI của Bắc Ninh chỉ xếp thứ 21, nhưng năm 2024 đã vươn lên đứng thứ 4 toàn quốc (PGI, 2025).

Tuy nhiên, các KCN, CCN vẫn chưa xử lý triệt để lượng chất thải, đặc biệt tỷ lệ này ở các cụm công nghiệp còn rất thấp (dưới 17%). Hoạt động phát triển nhanh và dày đặc tại các KCN, CCN và các làng nghề gây ảnh hưởng tiêu cực tới cả chất lượng không khí, mặt nước và đất đai của tỉnh. Khói bụi từ các KCN, CCN, các làng nghề đúc nhôm, nung kim loại,... thải ra môi trường rất nhiều bụi mịn PM2.5, SO₂, CO, VOC... Năm 2024, chỉ số chất lượng không khí

(AQI) của tỉnh Bắc Ninh thường ở mức kém và xấu, với mức PM2.5 đo được xê dịch 22-30 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, gấp 5-6 lần khuyến nghị của WHO (5 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) (IQAir, 2025). Một số lượng lớn nước thải độc hại, chứa kim loại nặng (Asen, Cr, Pb, Cd...), amoni, dầu mỡ, BOD, COD... vượt 2-10 lần tiêu chuẩn cho phép bị thải ra môi trường. Chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt xử lý không triệt để đã đổ ra mặt đất; rác thải, phụ phẩm của các làng nghề đúc đồng, luyện kim, làm giấy,... đổ tràn ra sông hồ, ruộng lúa, ven đường, không có phân loại hoặc chôn lấp đúng quy định... Mặc dù đã có những cải thiện đáng kể vào năm 2024, tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn và những chất gây ô nhiễm đã tích tụ nhiều năm qua vẫn có khả năng ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người dân trong tương lai.

3. Một số khuyến nghị chính sách nhằm phát triển kinh tế bền vững tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới

3.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Bối cảnh quốc tế có những tác động nhất định đến quá trình PTKTBV của tỉnh do Bắc Ninh có độ mở kinh tế lớn, là tỉnh phát triển mạnh công nghiệp định hướng xuất khẩu. Trên thế giới, những biến động khó lường từ các cuộc xung đột địa chính trị, các chính sách điều chỉnh lạm phát, thuế quan giữa các quốc gia,... tác động lớn tới hoạt động thương mại và sản xuất công nghiệp của tỉnh. Xu thế hòa bình, hợp tác, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là điều kiện thuận lợi giúp tỉnh Bắc Ninh thu hút ngày càng nhiều dòng vốn FDI, mở rộng đối tác. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 giúp các ngành kinh tế của tỉnh Bắc Ninh áp dụng KHCN mới để nâng cấp hạ tầng sản xuất, chuyển đổi số doanh nghiệp; thúc đẩy các hình thái kinh tế mới nhưng đồng thời cũng gây ran guy cơ mất việc làm cho một bộ phận lao động phổ thông. Trước những yêu cầu ngày càng

khắt khe trên thế giới về sản phẩm thân thiện với môi trường, cùng với những cam kết của quốc gia về cắt giảm khí thải, tỉnh Bắc Ninh cần phải đầu tư nhiều hơn cho hạ tầng xử lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm.

Trong giai đoạn qua, Việt Nam có nền kinh tế vĩ mô ổn định, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, tích cực đưa ra các chủ trương, chính sách PTBV. Đây là các điều kiện tốt để Bắc Ninh tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư. Việt Nam vừa có sự thay đổi về địa giới hành chính, tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý của các địa phương. Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh đã sáp nhập với tỉnh Bắc Giang, trở thành tỉnh Bắc Ninh mới. Diện tích tỉnh Bắc Ninh cũ trở thành 41 đơn vị hành chính cấp xã mới sau sáp nhập. Cùng với tỉnh Bắc Giang cũ, tỉnh Bắc Ninh cũ cũng như tỉnh Bắc Ninh mới hứa hẹn tiếp tục phát triển mạnh ngành công nghiệp, nhất là các ngành công nghệ cao như điện tử, chất bán dẫn,...

3.2. Một số khuyến nghị chính sách

Phân tích cho thấy, Tỉnh Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng GRDP cao, cán cân ngân sách liên tục thặng dư, lạm phát nằm trong tầm kiểm soát, thu hút vốn đầu tư mạnh mẽ, đặc biệt là vốn FDI. NSLĐ và chất lượng lao động ngày một cải thiện. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, phát triển nhanh ngành công nghiệp. Các chỉ số như ICT, PCI, PGI,... có sự vươn lên nhanh chóng trên bảng xếp hạng toàn quốc. Tỷ lệ nghèo đa chiều của tỉnh về mức 0% vào năm 2024 và nhiều vấn đề về môi trường đã có sự chuyển biến.

Tuy nhiên, Bắc Ninh đang gặp phải một số vấn đề như: NSLĐ ở mức tương đối cao nhưng thực tế người lao động chưa được hưởng mức thu nhập tương xứng; môi trường kinh doanh

của tỉnh còn nhiều bất cập. Tốc độ tăng trưởng chưa ổn định và phụ thuộc lớn vào khu vực FDI. Các KCN, CCN có tỷ lệ lấp đầy chưa cao, chưa giải quyết triệt để các vấn đề về khí thải, chất thải gây ô nhiễm môi trường; tỷ lệ thất nghiệp và chênh lệch giàu nghèo có xu hướng tăng,... Vì vậy, một số khuyến nghị chính sách được đưa ra gồm:

Thứ nhất, tích cực ứng dụng KHCN hiện đại trong sản xuất kinh doanh nhằm tăng NSLĐ, cải thiện thu nhập cho người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Chính quyền địa phương cần khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số trong quản lý sản xuất, nhân sự, và chuỗi cung ứng, đặc biệt là các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Bên cạnh đó, để tăng NSLĐ và giảm tỷ lệ thất nghiệp, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Chính quyền địa phương và các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ, có định hướng rõ ràng trong việc đào tạo lao động trình độ cao, bám sát nhu cầu thực tế.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh thu hút vốn FDI. Khi thu hút vốn FDI cần có sự chọn lọc, tập trung vào các ngành có lợi thế so sánh, thân thiện với môi trường như: điện tử, chất bán dẫn, quang học, năng lượng tái tạo,... hạn chế thu hút các dự án FDI sử dụng nhiều lao động giá rẻ, công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường. Để thu hút vốn FDI, cải thiện hạ tầng logistics là một giải pháp quan trọng, chẳng hạn như nâng cấp hệ thống giao thông kết nối giữa các khu công nghiệp của Bắc Ninh và các cảng, sân bay lớn như: Cảng Hải Phòng, Sân bay Nội Bài, đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, đường vành đai 4,...

Thứ ba, cần cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính nhằm thu hút đầu tư vào các KCN, CCN trên địa bàn thông qua việc: cắt giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong các thủ tục đăng ký, cấp phép, thuế, xuất

nhập khẩu; hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn và đất đai dễ dàng hơn, tăng cường tính minh bạch trong giải quyết các vấn đề giữa doanh nghiệp và chính quyền,...

Thứ tư, các địa phương cần giảm sự phụ thuộc quá nhiều vào một hoặc một số đối tác FDI để tránh rủi ro. Cần thu hút vốn FDI đa dạng tại nhiều lĩnh vực, không để một số doanh nghiệp FDI của một ngành cụ thể chiếm cơ cấu quá lớn. Bên cạnh các nhà đầu tư truyền thống của Hàn Quốc và Nhật Bản, Bắc Ninh có thể thu hút vốn từ các quốc gia mới của châu Âu, châu Mỹ, châu Á,...

Thứ năm, cần nâng cao năng lực sản xuất cho các doanh nghiệp nội địa. Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư vốn, hạ tầng, tuyển dụng lao động có kỹ năng cao để thực hiện các hoạt động sản xuất quy mô lớn, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng thay vì chỉ thực hiện gia công, lắp ráp. Khuyến khích các doanh nghiệp FDI lớn chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ sáu, đảm bảo các cá nhân được hưởng các kết quả kinh tế một cách công bằng, thúc đẩy tăng trưởng bao trùm. Các doanh nghiệp ngoài việc hướng tới gia tăng lợi nhuận cần thực hiện nghĩa vụ phát triển cộng đồng, gia tăng việc làm cho cư dân tại chỗ. Nguồn thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế cần được phân bổ hợp lý cho các dịch vụ công cơ bản của giáo dục, y tế, hạ tầng nông thôn, các dịch vụ cho lao động có thu nhập thấp và nhóm yếu thế.

Thứ bảy, cần đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Cần có sự kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm tại các KCN, CCN và làng nghề, hạn chế việc tái ô nhiễm tại các khu vực đã được xử lý. Thúc đẩy các doanh nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn yêu cầu, tăng cường kiểm tra, xử phạt các doanh nghiệp vi phạm quy định môi trường, đặc biệt trong ngành: điện tử, in ấn, hóa

chất. Bên cạnh đó, để tăng trưởng theo chiều sâu, chính quyền cần khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo.

Kết luận

Trên cơ sở phân tích thực trạng PTKTBV tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2024, bài viết cho thấy, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu trong việc phát triển kinh tế ổn định, an toàn, tăng trưởng nhanh chóng. Bắc Ninh đã và đang thu hút dòng vốn FDI mạnh mẽ, đặc biệt trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo với các lĩnh vực mới

như: điện tử, chất bán dẫn, quang học,... Tuy nhiên, quá trình PTKTBV tại Bắc Ninh gặp phải một số thách thức trong việc thực hiện tăng trưởng bao trùm. Môi trường kinh doanh của tỉnh còn nhiều bất cập. Phát triển kinh tế nhanh chóng gây ra nhiều hệ lụy tới hệ sinh thái và chưa được xử lý triệt để. Hiện nay, phần diện tích tỉnh Bắc Ninh cũ đã sáp nhập trở thành một bộ phận của tỉnh Bắc Ninh mới, hứa hẹn tiếp tục phát triển kinh tế mạnh mẽ, tập trung vào ngành công nghiệp - dịch vụ. Do đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế hài hòa với an sinh xã hội và bảo vệ môi trường tại Bắc Ninh, thúc đẩy quá trình PTKTBV tại tỉnh Bắc Ninh cũ cũng như tỉnh Bắc Ninh mới trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Kinh tế Trung ương (2022). *Báo cáo thường niên: Kinh tế số Việt Nam 2022*. Nxb. Thông tin và truyền thông.
2. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh (2025). *Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2024*. <https://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-bac-ninh-nam-2024-90277442>.
3. Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh (1997-2024). *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh các năm giai đoạn 1997-2024*. Nxb. Thống kê.
4. IEDC - International Economic Development Council (2016). *Green Metrics: Common Measures of Sustainable Economic Development*. Washington, DC.
5. IMF (2020). *Measuring economic welfare: What and How?* Washington, DC.
6. IQAir (2025). Air quality in Bac Ninh. <https://www.iqair.cn/cn-en/vietnam/tinh-bac-ninh>.
7. IUCN - International Union for Conservation of Nature and Natural Resources (1980). *World Conservation Strategy: Living Resource Conservation for Sustainable Development*. Switzerland.
8. Lê Trinh, Trần Thị Tuyết Hạnh, Ngô Thanh Tâm, Hà Cẩm Vân (2002). *Đề xuất định nghĩa, lý do lựa chọn và phương pháp xác định các tiêu chí (chỉ thị) phát triển bền vững*. Chuyên đề của đề tài: “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam”. Hà Nội.
9. Lê Văn Hùng (chủ nhiệm đề tài) (2023). *Xây dựng bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
10. OECD (2017). *Green Growth Indicators 2017*. OECD Green Growth Studies. OECD Publishing. Paris.
11. PCI (2025). *PCI của tỉnh Bắc Ninh*. <https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/bac-ninh>.
12. PGI (2025). *PGI của tỉnh Bắc Ninh*. <https://pcivietnam.vn/pgi/ho-so-tinh/bac-ninh>.
13. Tổng cục Thống kê (2024). *Báo cáo về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*. Hà Nội.
14. Tổng cục Thống kê (2025a). *Bắc Ninh đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài năm 2024*. Hà Nội.
15. Tổng cục Thống kê (2025b). *Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2024*. Hà Nội.
16. Tổng cục thống kê (2014-2024). *Niên giám thống kê quốc gia các năm 2014-2024*. Nxb. Thống kê.

17. Trần Văn Ý, Ngô Đăng Trí, Lê Thạc Cán và Trần Thùy Chi (2014). Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường các tỉnh Tây Nguyên. *Tạp chí Các khoa học về trái đất*, 36(3), 241-251.
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2024). *Báo cáo tại Phiên họp thường kỳ tháng 12*. Bắc Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2024.
19. United Nations (2007). *Indicators of Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*. October 2007, third edition. New York.
20. United Nations (1992). *Report of the United Nations Conference on Environment and Development* (Rio de Janeiro, 3-14 June 1992), Volume I: Resolutions Adopted by the Conference. United Nations Publication.
21. WCED - World Commission on Environment and Development (1987). *Our Common Future: Report of the World Commission on Environment and Development*. United Nations. Oxford University Press.

Thông tin tác giả:**1. Nguyễn Phương Thảo, ThS**

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới.

- Địa chỉ email: thaoneu1296@gmail.com

2. Trần Thị Mỹ Anh, ThS.

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới.

Ngày nhận bài: 12/4/2025

Ngày nhận bản sửa: 10/5/2025

Ngày duyệt đăng: 29/5/2025